TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUYÊN HOÁ** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 14-9-2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Trong Thủy và ông Nguyễn Văn Lợi

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Đinh Quang Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc "*tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn 1 B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: anh Hoàng Trung N, sinh năm 1984

Nơi ĐKNKTT: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình

Hiện tạm trú tại: số nhà 64 đường N, khu phố T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/4/2022 và bản tự khai ngày 04/8/2022 chị Phạm Thị T trình bày: chị và anh Hoàng Trung N có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17/02/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm và chung sống tại thành phố Bình Dương. Trong thời gian chung sống, anh N thường xuyên chơi cờ bạc mặc dù chị đã

khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, trong quá trình sống ly thân hai bên đều không liên lạc và không quan tâm đến nhau, hiện nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh Hoàng Trung N có hai con chung là Hoàng Phạm Thảo N, sinh ngày 06/02/2017 và Hoàng Phạm Đăng K, sinh ngày 07/3/2020, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã ủy thác cho Tòa án nhân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành lây lời khai của anh Hoàng Trung N, tuy nhiên anh N không hợp tác, cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình. Theo kết quả xác minh hiện tại anh Hoàng Trung N có đăng ký tạm trú tại số nhà 64 đường Nguyễn Trãi, khu phố Thống Nhất 1, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Văn phòng Thừa Phát Lại Dĩ An đã làm các thủ tục niêm yết các văn bản của Tòa án cho anh N đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu về việc tuân theo pháp luật đối với Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng và đủ thành phần theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, đối với anh Hoàng Trung N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 207; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Hoàng Trung N. Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Hoàng Trung N. Về con chung đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84, Điều 107, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình giao cả hai con Hoàng Phạm Thảo N và Hoàng Phạm Đăng K cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh Hoàng Trung N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; Về tài sản chung và công nợ không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật, án phí cấp dưỡng nuôi con anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn đối với anh Hoàng Trung N, đây là tranh chấp về ly hôn. Anh Hoàng Trung N có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại

phiên tòa chị Phạm Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ, anh Hoàng Trung N vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 207; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh N là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử thấy:

Quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị T và anh N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với anh N vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh N đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh N vẫn không có mặt và cũng không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình gửi cho Tòa án, điều đó chứng tỏ anh N không có trách nhiệm với cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, không hợp tác với Tòa án, cố tình trốn tránh. Vì vậy việc chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh N là có cơ sở nên cần căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Hoàng Trung N.

Về nuôi con chung của vợ chồng: hiện tại cả hai con chung của vợ chồng đang còn nhỏ và ở cùng với chị T kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là phù hợp, mặt khác anh N hiện tại đã đi làm ăn xa, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Tuy nhiên xét thấy chị T đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi cả hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng là cao so với mức thu nhập chung tại địa phương và chị T cũng không chứng minh được mức thu nhập của anh N. Vì vậy, cần căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Điều 107, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình để giao cả hai con Hoàng Phạm Thảo N và Hoàng Phạm Đăng K cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hoàng Trung N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 1.500.000đ/ tháng là phù hợp.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; khoản 1 Điều 207, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Xử vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Hoàng Trung N.

2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Hoàng Trung N.

3. Về nuôi con chung của vợ chồng: giao con chung Hoàng Phạm Thảo N, sinh ngày 06/02/2017 và Hoàng Phạm Đăng K, sinh ngày 07/3/2020 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Hoàng Trung N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, kể từ tháng 10 năm 2022 cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự: buộc chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000077 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, chị T đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: buộc anh Hoàng Trung N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Phạm Hữu Tình